

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHTT

Tuần Giáo, ngày tháng 3 năm 2021

V/v báo cáo tổng kết 10 năm  
thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày  
01/12/2011 của Bộ Chính trị

Kính gửi:

- Phòng Văn hóa & Thông tin;
- Phòng Giáo dục & Đào tạo;
- Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Văn bản số 4649/UBND-KGVX ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao; Công văn số 486/SVHTTDL-NVTDTT ngày 04/3/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị.

UBND huyện Tuần Giáo có ý kiến như sau:

1. Giao Phòng Văn hóa & Thông tin: chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng, tham mưu cho UBND huyện Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.

2. Phòng Giáo dục & Đào tạo: căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng báo cáo tổng kết của ngành (theo Đề cương và biểu mẫu 04 gửi kèm).

3. Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình: phối hợp xây dựng báo cáo và cung cấp thông tin (theo Đề cương và biểu mẫu 01, 02, 03 gửi kèm).

4. UBND các xã, thị trấn: xây dựng báo cáo và tổng hợp số liệu trên địa bàn (theo Đề cương và biểu mẫu 01, 02, 03 gửi kèm).

Căn cứ nội dung trên, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện. Báo cáo của các đơn vị gửi về UBND huyện (qua Phòng Văn hóa & Thông tin để tổng hợp) **trước ngày 30/3/2021** trên hệ thống HSCV, đồng thời gửi bản điện tử theo địa chỉ e-mail: [pvhtt.tg@dienbien.gov.vn/](mailto:pvhtt.tg@dienbien.gov.vn/).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mùa Va Hồ**

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO**  
.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

....., ngày tháng năm 2021

## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tổng kết Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011  
của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển  
mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-VHTT ngày /3/2021 của UBND huyện)

### **Phần thứ nhất**

## **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Khái quát ngắn gọn về đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương, bối cảnh chung tác động đến việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, những mặt thuận lợi, khó khăn.

### **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

1. Tình hình, kết quả phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TW;
2. Ban hành các văn bản để thể chế hóa các nội dung của Nghị quyết số 08-NQ/TW;
3. Công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết Nghị quyết số 08-NQ/TW;
4. Đánh giá quá trình thực hiện và những kết quả đạt được theo mục tiêu, 06 nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 08-NQ/TW. Tập trung vào những vấn đề trọng tâm:
  - Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác thể dục thể thao;
  - Tự chủ và xã hội hóa thể dục, thể thao;
  - Triển khai chiến lược và chương trình mục tiêu về thể dục, thể thao;
  - Đầu tư cho thể dục, thể thao;
  - Đổi mới giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường (Phòng GD&ĐT báo cáo);
  - Quy hoạch đất, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho tập luyện thể dục, thể thao của cán bộ, CCVC-LĐ và Nhân dân;
  - Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ;
  - Đào tạo và sử dụng tài năng thể thao (Trung tâm VHTTTH báo cáo).
5. Những mô hình, cách làm hiệu quả (nếu có).

### **III. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM, NGUYÊN NHÂN**

#### **1. Hạn chế, yếu kém**

## **2. Nguyên nhân của hạn chế**

2.1. Nguyên nhân khách quan

2.2. Nguyên nhân chủ quan

## **IV. MỘT SỐ KINH NGHIỆM**

### **Phần thứ hai**

## **PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **I. PHƯƠNG HƯỚNG**

Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của chính quyền các cấp, các tầng lớp nhân dân trong việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị và phát triển mạnh mẽ về thể dục thể thao trong giai đoạn tiếp theo nhằm nâng cao sức khỏe, xây dựng lối sống lành mạnh, cải thiện đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

### **II. MỤC TIÊU**

Trên cơ sở số liệu trong các biểu báo cáo liên quan đến hoạt động TDTT của cơ quan, đơn vị, địa phương để lựa chọn và đề ra một số mục tiêu cơ bản cần đạt được trong giai đoạn tới.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã được nêu trong Nghị quyết số 08-NQ/TW, cần nhấn mạnh đến những giải pháp mang tính chất đột phá; những mô hình, cách làm hiệu quả sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW cần được nhân rộng.

### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh.
2. Đề xuất, kiến nghị với UBND huyện.

*Nơi nhận:*

- .....

- Lưu: .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

*(ký, đóng dấu)*

# HỆ THỐNG CÁC BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /UBND-VHTT ngày /3/2021 của UBND huyện)

## Biểu số 01

### Triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW

Tên đơn vị:.....

#### 1. Tình hình quán triệt các văn bản tại các cấp (Ghi tỷ lệ % vào ô tương ứng)

Cơ quan, đơn vị	Chưa quán triệt	Đã quán triệt	Đối tượng quán triệt		Phương thức quán triệt			
			Cán bộ chủ chốt	Đảng viên từng chi bộ	Học tập chuyên đề độc lập	Lồng ghép với các chuyên đề khác	Lồng vào cuộc họp chi bộ	Khác (ghi rõ)
Cơ quan, đ.vị								
Cấp xã, phường								

#### 2. Kết quả ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW tại địa phương, đơn vị từ 2011 đến nay (thống kê các văn bản đã ban hành)

TT	Cơ quan ban hành	Tên đầy đủ của văn bản	Ngày có hiệu lực
I	Cơ quan, đơn vị		
1			
2			
II	Cấp xã (Văn bản do Đảng ủy, HĐND, UBND ban hành)		
1			
2			

#### 3. Hoạt động kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW (đánh dấu X hoặc điền thông tin vào ô tương ứng)

	Kiểm tra/giám sát		Sơ kết, tổng kết			
	Không	Có, nêu rõ hình thức	Không	Có, nêu rõ thời gian		
				5 năm	10 năm	Khác (ghi rõ)
Cấp xã	[...]	[...] .....	[...]	[...]	[...]	.....

**Biểu số 02**  
**Tổ chức bộ máy và nguồn lực thực hiện**

Tên đơn vị:.....

**1. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và nhân lực về thể dục thể thao**

<b>TT</b>	<b>Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và nhân lực về thể dục thể thao</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>2011</b>	<b>2016</b>	<b>2020</b>
<b>I</b>	<b>Quản lý Nhà nước về thể dục thể thao</b>				
<b>1</b>	<b>Tuyên huyện</b>				
1.1	Tổng số cán bộ chuyên trách về thể dục thể thao	Người			
1.2	Tổng số cán bộ bán chuyên trách về thể dục thể thao	Người			
1.3	Cán bộ theo dõi về thể dục thể thao	Có/không			
<b>II</b>	<b>Nhân lực công tác thể dục thể thao tại các tuyến</b>				
<b>1</b>	<b>Tuyên huyện</b>				
1.1	Số nhân lực làm công tác thể dục thể thao/Tổng số nhân lực làm văn hóa, thể thao của huyện	Người			
1.2	Số lượng được đào tạo chuyên môn về thể dục thể thao	Người			
1.3	Số lượng chưa được đào tạo chuyên môn về thể dục thể thao	Người			
1.4	Số nhân lực chuyên trách làm công tác thể dục thể thao	Người			
1.5	Số nhân lực bán chuyên trách làm công tác thể dục thể thao	Người			
<b>2</b>	<b>Tuyên xã (tổng số xã.....)</b>				
2.1	Số lượng xã có nhân lực làm công tác thể dục thể thao	Xã			
2.2	Số lượng được đào tạo chuyên môn về thể dục thể thao	Người			
2.3	Số lượng chưa được đào tạo chuyên môn về thể dục thể thao	Người			
2.4	Số nhân lực chuyên trách làm công tác thể dục thể thao	Người			
2.5	Số nhân lực bán chuyên trách làm công tác thể dục thể thao	Người			
2.6	Tổng số cộng tác viên thể dục thể thao cấp xã	Người			
<b>III</b>	<b>Tổng số nguồn lực huy động từ các tổ chức xã hội, cá nhân</b>	Tỷ đồng			

## 2. Đầu tư nguồn lực, cơ sở vật chất cho công tác thể dục thể thao

TT	Nguồn lực, cơ sở vật chất dành cho công tác thể dục thể thao	ĐVT	2011	2016	2020
1	Ngân sách hằng năm dành cho thể dục thể thao	Triệu đồng;			
		%			
2	Ngân sách địa phương: Tỷ lệ ngân sách cho thể dục thể thao/ngân sách chung cho Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Triệu đồng;			
		%			

## 3. Bảng tổng hợp số lượng Đề án, dự án đã và đang triển khai tại địa phương

STT	Tên đề án/dự án	Địa điểm thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị thực hiện	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Kết quả
1						
2						

**Biểu số 03**  
**Các chỉ số thống kê về thể dục thể thao quần chúng**

Tên đơn vị:.....

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2011</b>	<b>2016</b>	<b>2020</b>
1	Tỷ lệ số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên (số người/tổng dân số)	%			
2	Tỷ lệ gia đình luyện tập thể dục thể thao (số gia đình luyện tập/tổng số hộ gia đình)	%			
3	Tổng số cộng tác viên thể dục thể thao cơ sở	%			
4.	Tổng số câu lạc bộ thể thao	Câu lạc bộ			
4.1.	Tổng số câu lạc bộ thể thao hoạt động theo phương thức tự quản không nhằm mục đích kinh doanh (CLB thể thao xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, trường học, ...)	Câu lạc bộ			
-	Tổng số câu lạc bộ thể thao của người khuyết tật	Câu lạc bộ			
-	Tổng số câu lạc bộ thể thao của người cao tuổi	Câu lạc bộ			
4.2.	Tổng số cơ sở, câu lạc bộ thể thao hoạt động theo phương thức kinh doanh dịch vụ thể thao	Câu lạc bộ			
5.	Tổng số giải thi đấu thể dục, thể thao phong trào	Giải			
5.1.	Tổng số giải thi đấu phong trào cấp đơn vị, cơ sở (xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị tổ chức)	Giải			
5.2.	Tổng số giải thi đấu phong trào cấp huyện	Giải			
6.	Cơ sở vật chất, đất đai và công trình TDTT	Công trình			
6.1	Tổng số sân tập luyện thể dục thể thao	Sân			
-	Tổng số sân vận động có khán đài (có đường chạy)	Sân			
-	Tổng số sân vận động không có khán đài (có đường chạy)	Sân			
-	Tổng số sân bóng đá 11 người	Sân			
-	Tổng số sân bóng đá mi ni	Sân			
-	Tổng số sân bóng chuyên	Sân			
-	Tổng số sân bóng rổ	Sân			
-	Tổng số sân cầu lông	Sân			
-	Tổng số sân quần vợt	Sân			

-	Tổng số các loại sân thể thao khác	Sân			
6.2	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu thể dục thể thao	Nhà			
-	Tổng số nhà tập luyện, thi đấu đa năng	Nhà			
-	Tổng số nhà tập luyện đơn môn thể dục thể thao	Nhà			
6.3	Tổng số bể bơi các loại	Bể			
-	Tổng số bể bơi có chiều dài 50 m	Bể			
-	Tổng số bể bơi có chiều dài 25 m	Bể			
-	Tổng số bể bơi, hồ bơi đơn giản, lắp ghép	Bể			
6.4.	Tổng số công trình thể dục thể thao chia theo địa bàn quản lý	Công trình			
-	Tổng số công trình thể dục thể thao cấp huyện	Công trình			
-	Tổng số công trình thể dục thể thao cấp xã	Công trình			
-	Tổng số trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã	Trung tâm			
-	Tổng số nhà văn hóa - khu thể thao cấp thôn	Nhà			
6.5.	Tỷ lệ số xã, phường đã có quy hoạch đất cho thể dục thể thao	%			
6.6.	Tỷ lệ bình quân m <sup>2</sup> đất cho thể dục thể thao/1 người dân tính chung toàn huyện	m <sup>2</sup>			
7.	Tổng số các dự án, đề án	DA, ĐA			



**Biểu số 04**  
**Giáo dục thể chất, thể thao trường học**

Tên đơn vị:.....

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐVT</b>	<b>2011</b>	<b>2016</b>	<b>2020</b>
1.	<i>Tổng số cơ sở đào tạo và giáo dục</i>	<i>Cơ sở</i>			
1.1.	Tổng số cơ sở giáo dục mầm non	Cơ sở			
1.2	Tiểu học	Cơ sở			
1.3	Trung học cơ sở	Cơ sở			
2.	<i>Tổng số học sinh, trẻ em mầm non</i>	<i>HS,TE</i>			
2.1	Tổng số trẻ em ở cấp giáo dục mầm non	Trẻ em			
2.2.	Tổng số học sinh tiểu học	Học sinh			
2.3	Tổng số học sinh THCS	Sinh viên			
3.	<i>Tổng số giáo viên thể dục</i>	<i>Giáo viên</i>			
3.1.	Tổng số giáo viên mầm non được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục phát triển thể chất cho trẻ em	Giáo viên			
3.2.	Tổng số giáo viên tiểu học bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ đào tạo	Giáo viên			
3.3.	Tổng số giáo viên tiểu học được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			
3.4.	Tổng số trường trung học cơ sở có đủ giáo viên thể dục	Trường			
3.5.	Tổng số giáo viên trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn và trình độ đào tạo	Giáo viên			
3.6.	Tổng số giáo viên trung học cơ sở được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất và tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa	Giáo viên			
5.	<i>Chương trình giáo dục thể chất</i>				
5.1.	Trong các cơ sở giáo dục mầm non				
-	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình giáo dục thể chất	%			
-	Tỷ lệ trẻ em thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình giáo dục thể chất	%			
-	Tỷ lệ trẻ em được đánh giá, phân loại thể lực	%			

-	Tỷ lệ trẻ em đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực	%			
5.2.	Trong các trường tiểu học				
-	Tỷ lệ trường tiểu học thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình giáo dục thể chất	%			
-	Tỷ lệ trường tiểu học thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá giáo dục thể chất	%			
-	Tỷ lệ học sinh thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình giáo dục thể chất	%			
-	Tỷ lệ học sinh được đánh giá, phân loại thể lực	%			
-	Tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực	%			
5.3.	Trong các trường THCS				
-	Tỷ lệ trường THCS thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình giáo dục thể chất	%			
-	Tỷ lệ trường THCS thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá giáo dục thể chất	%			
-	Tỷ lệ học sinh thực hiện đầy đủ nội dung, chương trình giáo dục thể chất	%			
-	Tỷ lệ học sinh được đánh giá, phân loại thể lực	%			
-	Tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực	%			
6.	<i>Hoạt động thể thao ngoại khóa</i>				
6.1.	Trong các cơ sở giáo dục mầm non				
-	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non tổ chức dạy võ cổ truyền	%			
-	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam	%			
6.2.	Trong các trường tiểu học				
-	Tỷ lệ trường tiểu học có hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ trường tiểu học đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	%			
-	Tổng số trường tiểu học có câu lạc bộ thể dục thể thao	Cơ sở			
-	Tỷ lệ trường tiểu học tổ chức dạy võ cổ truyền	%			

-	Tỷ lệ trường tiểu học tổ chức dạy bơi	%			
-	Tỷ lệ học sinh tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
6.3.	Trong các trường THCS				
-	Tỷ lệ trường THCS có hoạt động thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
-	Tỷ lệ trường THCS đảm bảo thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ thường xuyên	%			
-	Tổng số trường THCS có câu lạc bộ thể dục thể thao	Cơ sở			
-	Tỷ lệ trường THCS tổ chức dạy võ cổ truyền	%			
-	Tỷ lệ học sinh tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa thường xuyên	%			
7.	<i>Cơ sở vật chất phục vụ giáo dục thể chất, thể thao ngoại khóa</i>				
7.1.	Trong các cơ sở giáo dục mầm non				
-	Tổng số cơ sở giáo dục mầm non có sân chơi	Sân			
-	Tổng số cơ sở giáo dục mầm non có phòng học giáo dục thể chất đạt tiêu chuẩn	Phòng			
7.2.	Trong các trường tiểu học				
-	Tổng số nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Tổng số sân tập luyện thể dục thể thao	Sân			
7.3.	Trong các trường trung học cơ sở				
-	Tổng số nhà tập (nhà đa năng) đạt tiêu chuẩn	Nhà			
-	Tổng số sân tập luyện thể dục thể thao	Sân			
8.	<i>Tổng số kinh phí dành cho TDTT</i>	<i>Triệu đồng</i>			